

Bản tin chứng khoán

Trong số này

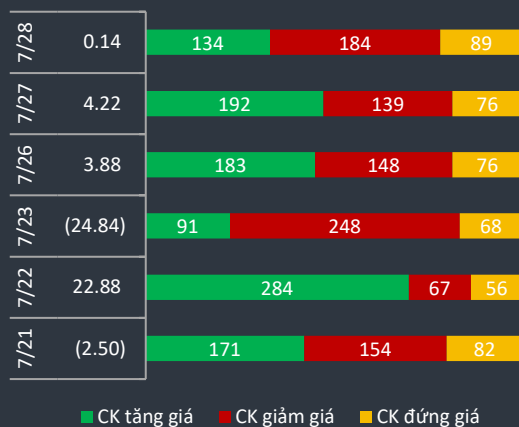
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

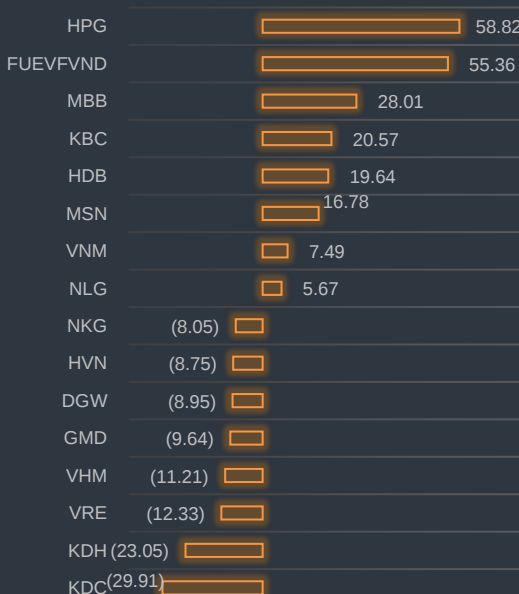
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường trong ngày biến động không mạnh và biên độ chỉ khoảng 2-3 điểm trong suốt thời gian giao dịch. Chỉ số Vnindex đóng cửa vẫn 1277 gần như không thay đổi nhưng bảng điểm ghi nhận số cổ phiếu giảm lên đến 214 mã nhiều hơn mã tăng là 141. Thanh khoản hôm nay rất thấp chưa đến 13 ngàn tỷ - là phiên giao dịch thấp nhất trong hơn 1 tháng nay.

Nhóm VN30 chia thành 2 nửa xanh đỏ trong đó VCB, CTG, HDB, PDR, HPG, VIC tăng tốt nhất từ 1% - 2%. Phía giảm giá mạnh nhất có NVL -2.3%, POW -1.9%, VRE, KDH, FPT. Cổ phiếu ngân hàng trong ngày đa số xanh nhẹ và tham chiếu trong đó OCB tăng tốt nhất 3.1%, VCB đứng sau 2.1%. VIB, CTG, BID, HDB, MBB cũng xanh nhẹ gần 1%. Những bank mất điểm cũng chỉ rơi khoảng xấp xỉ -1% như VPB, STB.

OCB là cổ phiếu ngân hàng tăng tốt nhất trong ngày nhờ cổ phiếu này sắp sửa được cấp margin sau 6 tháng niêm yết. Ngoài ra ngày 02/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 03/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 4:1 (cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), tương đương OCB sẽ phát hành thêm gần 274 triệu cổ phiếu mới trong đợt này. Với giá hiện tại OCB trở nên rất hấp dẫn để nắm giữ.

Thanh khoản thấp ảnh hưởng đến nhóm cổ phiếu chứng khoán với 2/3 cổ phiếu trên sàn đều mất điểm. Chỉ có SSI xanh nhẹ 0.8% và VND còn lại đều giảm trung bình 1% - 3%.

Không có nhóm ngành nào nổi trội trong ngày. Một số ngành đáng chú ý như ngành thép có HPG, HSG, NKG tăng nhẹ. Bất động sản KCN có KBC, ITA, NTC, IDC tăng tốt trong ngày.

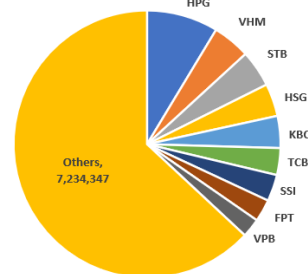
Khối ngoại mua ròng khoảng 63 tỷ đồng trong ngày. HPG được mua ròng nhiều nhất khoảng 59 tỷ cùng với MBB, KBC, HDB, MSN. Phía bán ròng ghi nhận KDC, KDH, VRE, VHM và GMD.

Vnindex 1,277.07

▲ +0.14 (+0.01%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VCB	97.0	2,000	2.11
VIB	40.3	600	1.51
CTG	32.9	400	1.23
HDB	32.9	400	1.23
PDR	90.9	1,100	1.22
HPG	46.7	500	1.08
VIC	105.2	900	0.86
SSI	52.4	400	0.77
BID	40.5	300	0.75
MBB	27.6	200	0.73
PLX	50.5	200	0.40
TPB	34.2	100	0.29
GAS	89.1	100	0.11
ACB	33.2	-	-
SAB	154.5	-	-
PNJ	90.1	-	-
TCB	49.7	(50)	(0.10)
VJC	114.4	(500)	(0.44)
GVR	32.7	(150)	(0.46)
DHG	93.5	(500)	(0.53)
MWG	157.1	(900)	(0.57)
BVH	50.2	(300)	(0.59)
STB	28.9	(200)	(0.69)
VNM	86.9	(600)	(0.69)
REE	52.4	(400)	(0.76)
MSN	124.5	(1,000)	(0.80)
VHM	106.5	(1,300)	(1.21)
VPB	56.3	(700)	(1.23)
FPT	92.0	(1,200)	(1.29)
HVN	23.8	(350)	(1.45)
BCM	40.6	(650)	(1.58)
VRE	27.2	(450)	(1.63)
POW	10.6	(200)	(1.85)
NVL	104.1	(2,400)	(2.25)

Thị trường phiên hôm nay có dấu hiệu điều chỉnh nhưng lực bán không quá mạnh và vì thanh khoản quá thấp nên chỉ số Index dao động trong biên độ rất hẹp. Nhóm trụ vẫn giữ chỉ số khá tốt nhưng cũng không mất quá nhiều sức lực và cũng không có nhóm ngành nào dẫn dắt thị trường trong ngày. Có khá nhiều tin tốt trong ngày như hệ thống giao dịch mới với T0 có thể bắt đầu năm 2022, số ca nhiễm mới cả nước đang hạ nhiệt và có thể đã đạt đỉnh.

Chỉ số Vnindex hiện vẫn tích lũy khá tốt trên nền giá 1260 – 1270 và có thể tích lũy cổ phiếu trở lại trong các nhịp điều chỉnh. Nếu không có tin gì quá xấu thị trường có thể xem như đã tạo đáy quanh 1220 – 1240. Nhà đầu tư có thể các nhịp điều chỉnh để tích lũy dần cổ phiếu. Một số cổ phiếu đang có nền giá tốt trong giai đoạn hiện tại như OCB, GVR, FPT, VCI, DGW, STB, VND, MBB, HSG, HPG.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
REE	52.4	0.4	50	23	Mua quanh 50 - 51	7/12/2021	2.7%
GVR	32.7	8.1	28	65	Chờ tín hiệu hồi, mua quanh 28-29	7/12/2021	11.2%
HCM	45.9	(0.4)	44	65	Chờ tín hiệu mua, quanh 44-46	7/12/2021	2.0%
VCI	46.9	(4.3)	50	60	Tích lũy thêm quanh 45-48	7/12/2021	-4.3%
VND	43.6	5.3	45	70	Mua quanh 42-43	7/28/2021	1.4%
SSI	52.4	1.7	45	70	Mua quanh 50-51	7/12/2021	4.8%
MBB	27.6	(1.4)	25	35	Nắm giữ, mua thêm quanh 25	7/12/2021	-4.8%
OCB	29.5		27	40	Chờ tín hiệu mua, quanh 25-27	7/12/2021	9.3%
TCB	49.7	(1.2)	52	30	Nắm giữ, mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	-6.2%
CTG	32.9	0.2	35	22	Chờ tín hiệu mua, quanh 30-33	7/12/2021	-3.2%
HPG	46.7	(0.1)	45	44	Nắm giữ, mua thêm quanh 45	7/12/2021	3.8%
STB	28.9	3.8	27	25	Chờ tín hiệu mua, quanh 27-28	7/12/2021	3.2%
DGW	140.5	4.4	120	50	Nắm giữ	3/3/2021	40.5%
MWG	157.1	(3.9)	130	150	Nắm giữ	2/3/2021	23.2%

CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) vừa công bố báo cáo tài chính Q2. Theo đó, trong quý II/2021, PVS ghi nhận doanh thu đạt 3.063,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 183,3 tỷ đồng, lần lượt giảm 44,5% và 37,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 4,4% lên 8,5%.

Trong kỳ, lợi nhuận gộp tăng 6,3% so với cùng kỳ, tương ứng tăng thêm 15,4 tỷ đồng lên 260,7 tỷ đồng; chi phí quản lý tăng 118,6%, tương ứng tăng 129,3 tỷ đồng lên 238,3 tỷ đồng; lợi nhuận khác giảm 93,4%, tương ứng giảm 144 tỷ đồng về 10,2 tỷ đồng và các hoạt động khác biến động không đáng kể.

Mặc dù trong kỳ lợi nhuận gộp tăng nhưng do hụt lợi nhuận khác và đặc biệt chi phí quản lý tăng đột biến dẫn tới lợi nhuận giảm 37,1%.

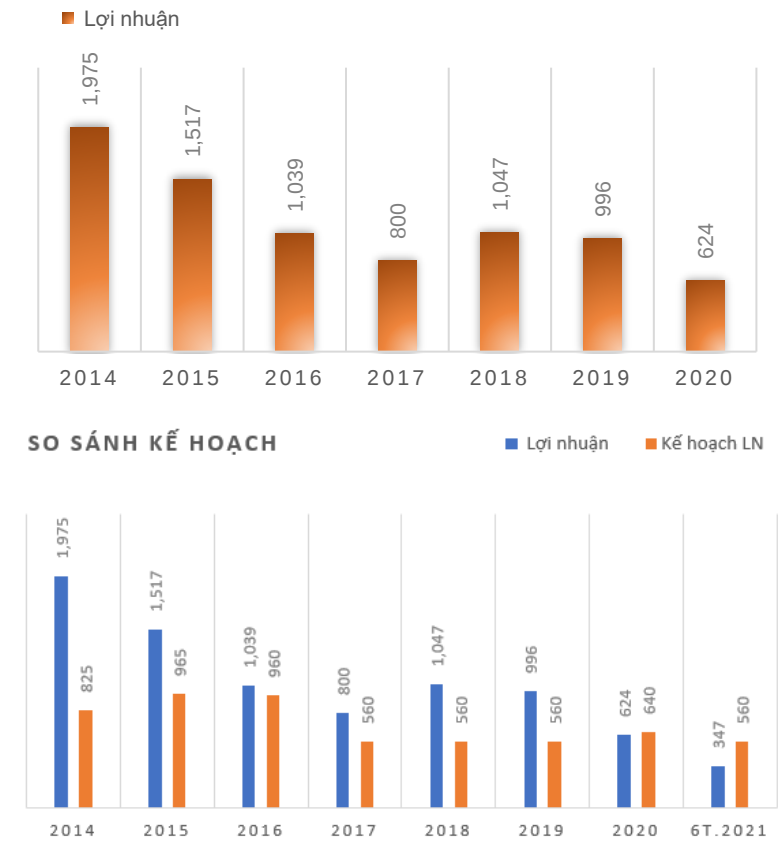
Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, PVS ghi nhận doanh thu đạt **5.676,8 tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế đạt **347 tỷ đồng**, lần lượt giảm 35,2% và 15,9% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh nghiệp có thuyết minh trong 6 tháng đầu năm 2021 thu nhập từ hoàn nhập dự phòng bảo hành các dự án giảm 167,7 tỷ đồng về còn 12,9 tỷ đồng; chi phí nhân viên tăng 86,7 tỷ đồng lên 219,9 tỷ đồng.

Năm 2021, doanh nghiệp dự kiến doanh thu là 10.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 560 tỷ đồng, lần lượt giảm 53,08% và 21,12% so với thực hiện trong năm 2020. Như vậy, sau 6 tháng đầu năm, doanh nghiệp hoàn thành được 62% kế hoạch lợi nhuận năm.

Ngoài ra, dòng tiền kinh doanh chính trong 6 tháng đầu năm tiếp tục âm 1.725,9 tỷ đồng so với cùng kỳ âm 1.437,5 tỷ đồng. Năm 2020 dòng tiền kinh doanh chính của doanh nghiệp mới âm 679,6 tỷ đồng.

Tính tới 30/6/2021, tổng tài sản của PVS giảm 6,4% so với đầu năm về 24.588,6 tỷ đồng. Trong đó, tài sản chủ yếu là tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 7.237,7 tỷ đồng, chiếm 29,4% tổng tài sản; các khoản phải thu ngắn hạn đạt 4.867,7 tỷ đồng, chiếm 19,8% tổng tài sản; đầu tư tài chính dài hạn đạt 4.812 tỷ đồng, chiếm 19,6% tổng tài sản; tài sản cố định đạt 3.028,9 tỷ đồng, chiếm 12,3% tổng tài sản.



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q2.2021

	Số Doanh Nghệp	Doanh thu 6T.2020	Doanh thu 6T.2021	%	Lợi Nhuận 6T.2020	Lợi Nhuận 6T.2021	%
Bán lẻ L2	12	20,252	27,579	36.2%	107.1	412.0	285%
Bảo hiểm L2	5	6,643	7,119	7.2%	746.0	850.3	14%
Bất động sản L2	42	8,828	12,982	47.1%	1,981.0	3,224.9	63%
Công nghệ Thông tin L2	11	1,666	1,724	3.5%	16.7	9.7	-42%
Dầu khí L2	3	5,076	3,718	-26.8%	99.6	91.4	-8%
Dịch vụ tài chính L2	32	9,258	17,971	94.1%	2,072.0	6,965.1	236%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	76	76,945	84,527	9.9%	7,186.6	8,033.4	12%
Du lịch và Giải trí L2	18	4,148	3,511	-15.3%	(235.7)	(17.4)	-93%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp L2	98	35,999	37,884	5.2%	1,364.0	2,071.2	52%
Hàng cá nhân & Gia dụng L2	30	20,546	31,634	54.0%	1,274.2	1,807.2	42%
Hóa chất L2	34	15,763	21,310	35.2%	1,273.8	1,662.5	31%
Ngân hàng L2	13	44,938	60,770	35.2%	18,797.6	30,424.7	62%
Ô tô và phụ tùng L2	5	4,668	5,573	19.4%	137.3	232.6	69%
Tài nguyên Cơ bản L2	47	55,538	77,407	39.4%	783.4	4,624.4	490%
Thực phẩm và đồ uống L2	56	30,739	36,410	18.4%	1,676.9	2,281.7	36%
Truyền thông L2	19	1,311	1,926	46.9%	156.6	289.1	85%
Viễn thông L2	2	2,069	987		34.9	25.1	
Xây dựng và Vật liệu L2	133	36,830	40,416	9.7%	1,322.3	2,238.1	69%
Y tế L2	27	12,277	12,645	3.0%	1,211.1	1,249.6	3%
Tổng Cộng	663	393,494	486,095	23.5%	40,005.3	66,475.5	66%

Mã CK	Ngành	DT 6T.2020	DT 6T.2021	%	LN 6T.2020	LN 6T.2021	%	EPS
TCB	Ngân hàng L2	8,147.8	12,708.2	56%	5,272.8	9,107.8	73%	4,611
VPB	Ngân hàng L2	15,722.0	18,351.7	16.7%	5,265.0	7,218.2	37.1%	4,888
MBB	Ngân hàng L2	9,319.2	12,514.6	34.3%	3,974.8	6,148.8	54.7%	3,729
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	31,570.9	40,272.1	28%	4,047.4	4,291.6	6%	4,178
TPB	Ngân hàng L2	3,492.0	4,790.1	37.2%	1,628.0	2,406.9	47.8%	4,002
LPB	Ngân hàng L2	2,901.7	4,230.8	46%	806.3	1,617.5	101%	2,487
HSG	Tài nguyên Cơ bản L2	12,354.8	19,945.6	61%	382.1	1,606.9	321%	5,342
SSB	Ngân hàng L2	1,338.1	2,430.4	82%	517.6	1,238.4	139%	1,723
NKG	Tài nguyên Cơ bản L2	4,765.9	11,862.4	149%	58.8	1,166.3	1884%	5,075
SSI	Dịch vụ tài chính L2	2,272.5	3,198.3	41%	532.5	989.6	86%	2,608
ABB	Ngân hàng L2	1,087.6	1,429.1	31.4%	501.1	952.9	90.2%	2,801
VND	Dịch vụ tài chính L2	858.0	2,154.3	151.1%	193.1	889.1	360.6%	6,320
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng L2	2,744.8	11,637.2	324%	439.9	736.3	67%	6,000
SMC	Tài nguyên Cơ bản L2	7,125.5	11,020.1	54.7%	52.8	710.1	1244.2%	15,665
VCI	Dịch vụ tài chính L2	785.9	1,655.0	110.6%	323.6	702.1	117.0%	3,446
DNH	Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	711.1	1,198.1	68%	275.2	664.4	141%	2,499
KLB	Ngân hàng L2	550.1	1,226.9	123%	82.2	606.9	639%	2,011
DGC	Hóa chất L2	3,096.4	3,987.7	29%	444.2	605.6	36%	6,239
HCM	Dịch vụ tài chính L2	885.7	2,244.6	153%	251.1	605.0	141%	3,100
SHS	Dịch vụ tài chính L2	787.1	1,187.6	50.9%	266.0	580.8	118.3%	5,431
DBC	Thực phẩm và đồ uống L2	4,605.0	5,070.1	10%	750.1	579.9	-23%	10,675
PDR	Bất động sản L2	1,181.8	1,123.8	-5%	279.1	503.3	80%	2,966
IJC	Bất động sản L2	1,540.8	1,978.4	28%	156.1	469.0	200%	3,123
PVI	Bảo hiểm L2	2,400.3	2,483.7	3%	429.7	444.0	3%	3,423
VIX	Dịch vụ tài chính L2	261.6	867.2	231.5%	46.2	426.5	823.3%	5,549
NLG	Bất động sản L2	658.1	636.5	-3.3%	178.7	412.3	130.8%	3,745
IDP	Thực phẩm và đồ uống L2	1,692.8	2,380.2	41%	-	405.8		
DHG	Y tế L2	1,678.7	1,965.2	17%	362.7	405.4	12%	5,985
FTS	Dịch vụ tài chính L2	113.3	589.6	420%	22.3	375.8	1582%	3,583
BAB	Ngân hàng L2	951.9	1,028.9	8%	282.7	348.3	23%	931

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

EVG	2.04
DPG	2.09
VCB	2.11
TDG	2.30
STK	2.44
ITA	2.50
TLG	2.93
TCL	3.42
PHC	3.95
KBC	3.99
HID	4.09
HAX	4.16
SHI	4.21
RDP	4.37
KSH	4.76
SJF	6.76
ELC	6.80
DAH	6.83
PTL	6.85
HCD	6.93

Top tăng giá HNX

CIA	2.68
DBT	2.69
NVB	3.26
TTZ	3.57
L18	3.64
DS3	3.77
PLC	3.91
IDJ	4.48
QNC	4.69
KHB	5.00
KKC	6.06
CSC	7.57
VC2	7.86
VE9	11.11

OCB - Ngân hàng TMCP Phương Đông - Ngày 02/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 03/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 4:1 (cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), tương đương OCB sẽ phát hành thêm gần 274 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

RIC - Công ty cổ phần Quốc tế Hoàng Gia - Quý II/2021, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 27,5 tỷ đồng, tăng 99,6% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế lỗ 18,4 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 21,3 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, RIC ghi nhận doanh thu tăng 10,9% so với cùng kỳ, đạt 54.849,1 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế là âm 45,1 tỷ đồng so với cùng kỳ âm 54,3 tỷ đồng.

TV2 - Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Quý II/2021, TV2 ghi nhận doanh thu đạt 1.360,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 71,5 tỷ đồng, lần lượt tăng 251,2% và 80,1% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 1.706,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 100,1 tỷ đồng, lần lượt tăng 66,2% và 6% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 822,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 283,5 tỷ đồng, lần lượt giảm 23,9% và tăng 66,3% so với cùng kỳ năm trước.

ACB - Ngân hàng TMCP Á Châu - Quý II/2021, ACB ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 3.248 tỷ đồng, tăng 71,5% so với cùng kỳ năm 2020. Động lực tăng trưởng chính đến từ tín dụng và hoạt động dịch vụ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận trước thuế của ACB đạt 6.352 tỷ, tăng 66% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 5.071 tỷ đồng.

VPB - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - UBCKNN đã ban hành quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Ngọc Bê, địa chỉ: Thạch Bàn, Long Biên, thành phố Hà Nội. Ông Bê bị phạt 940,35 triệu đồng do không công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch đối với cổ phiếu VPB. Bên cạnh đó, ông Bê phải chịu hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ giao dịch chứng khoán trong thời hạn 4 tháng.

TSC - CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ – Đã thông qua việc phát hành hơn 49,2 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2021.

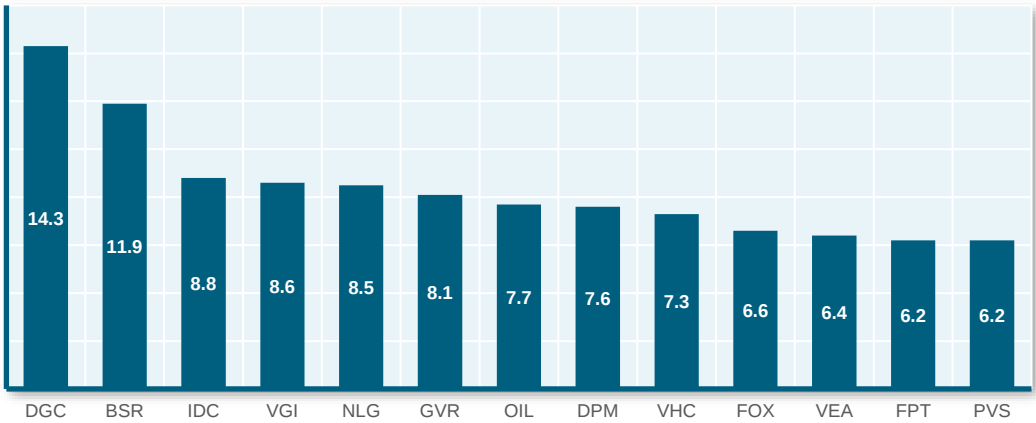


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	UPCOM	19.0	832,637	8.6	1.2	-	-	10,855	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	33.2	4,846,400	7.5	1.9	-	-	89,570	30.00	4,419	17,547
BAB	UPCOM	22.1	42,418	23.5	1.8	-	-	15,658	-	939	12,064
BID	HNX	40.5	1,233,300	19.3	2.0	103,200	15,800	162,892	16.70	2,103	20,453
CTG	HOSE	32.9	7,149,800	6.9	1.3	6,700	183,000	158,109	24.47	4,761	24,665
EIB	HOSE	24.8	250,900	34.8	1.8	3,600	200	30,428	29.76	713	13,822
HDB	HOSE	32.9	3,266,600	8.1	2.0	678,400	23,600	52,435	18.34	4,066	16,572
LPB	UPCOM	23.5	4,263,100	10.5	1.7	302,300	83,400	25,254	3.30	2,239	14,059
MBB	HOSE	27.6	6,161,800	7.1	1.4	1,140,700	181,800	104,282	22.60	3,912	19,196
MSB	HOSE	28.4	3,719,600	11.7	1.8	4,000	4,500	33,370	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	19.0	3,914,539		1.8	-	-	7,729	8.73	27	10,532
OCB	HOSE	29.5	3,836,400	8.8	1.8	-	8,000	32,329	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	26.9	7,394,904	13.4	1.8	300	6,132	51,797	3.98	2,013	14,631
SSB	HOSE	37.0	1,308,300	27.8	3.1	-	-	44,663	-	1,331	11,769
STB	HOSE	28.9	17,532,900	19.3	1.8	34,000	56,500	52,126	14.24	1,495	16,485
TCB	HOSE	49.7	7,468,600	12.2	2.2	2,200	-	174,194	23.00	4,074	22,566
TPB	HOSE	34.2	5,651,400	7.9	2.0	-	-	36,651	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	97.0	1,490,800	17.0	3.6	681,900	588,700	359,761	23.60	5,708	27,234
VIB	HOSE	40.3	1,223,300	7.6	2.3	19,400	23,600	62,592	20.90	5,297	17,420
VPB	HOSE	56.3	4,633,700	12.2	2.5	-	40,000	138,202	15.00	4,628	22,811
			86,221,398	13.90	1.99	2,976,700	1,215,232	1,642,897		3,004	17,388



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

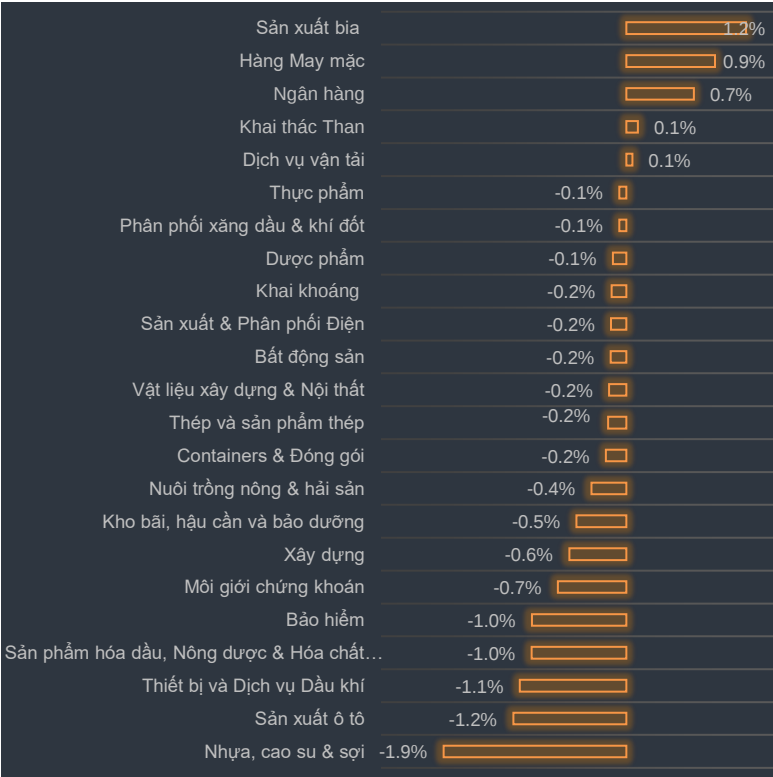
Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV	%
SSI	UPCOM	52,400	14,345,920	34,317,526	2,552.8	20.5	2.96	17,724	0.77
VCI	UPCOM	46,900	3,278,021	15,617,700	2,829.4	16.6	1.58	29,655	(1.26)
HCM	HNX	45,900	6,177,073	14,001,421	2,674.9	17.2	2.94	15,612	(0.11)
VND	UPCOM	43,600	7,316,067	18,705,666	5,308.7	8.2	2.08	20,939	0.23
SHS	UPCOM	39,900	8,689,233	8,270,001	4,994.5	8.0	2.22	17,951	(0.75)
MBS	UPCOM	27,300	2,734,293	7,305,668	1,279.0	21.3	2.08	13,147	(1.44)
FTS	HOSE	33,100	510,461	4,884,441	2,841.6	11.6	1.86	17,751	-
VIX	HNX	21,700	4,461,162	2,771,502	5,259.2	4.1	1.34	16,190	(1.81)
AGR	HOSE	12,300	3,300,543	2,597,759	572.1	21.5	1.26	9,775	-
BSI	UPCOM	20,800	1,991,446	2,528,670	2,051.4	10.1	1.64	12,711	(0.95)
ORS	HNX	22,300	1,343,515	2,230,000	1,516.4	14.7	2.11	10,574	1.36
VDS	HOSE	22,300	1,104,232	2,343,834	3,383.2	6.6	1.73	12,884	(0.45)
CTS	HOSE	20,500	1,953,189	2,175,872	2,444.1	8.4	1.48	13,885	(0.73)
TVS	HOSE	25,000	129,084	2,455,879	4,714.3	5.3	1.68	14,852	-
BVS	UPCOM	27,100	1,261,813	1,956,624	3,033.8	8.9	1.01	26,909	(1.45)
EVS	HOSE	31,500	379,401	1,890,013	2,382.6	13.2	2.22	14,167	(0.32)
SBS	HOSE	11,900	3,591,527	1,507,254	25.2	473.0	7.24	1,643	-
PHS	HOSE	12,900	1,261	1,161,000	828.3	15.6	1.14	11,291	-
TVB	HOSE	14,300	858,443	1,017,357	1,973.7	7.2	1.23	11,645	-
ART	HNX	8,500	5,342,733	823,841	269.8	31.5	0.74	11,459	-
TCI	UPCOM	13,000	300,821	643,500	2,331.0	5.6	1.06	12,235	(2.26)
IVS	UPCOM	8,200	117,561	568,670	352.2	23.3	0.83	9,862	(1.20)
BMS	UPCOM	12,500	116,541	625,000	1,808.9	6.9	0.96	12,977	-
APS	HOSE	10,600	2,157,848	413,400	2,395.8	4.4	0.95	11,126	(2.75)
PSI	UPCOM	8,400	218,647	502,667	182.9	45.9	0.80	10,519	(3.45)



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	PAC	HOSE	12/8/2021	13/08/2021	27/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SBH	UPCoM	10/8/2021	11/8/2021	31/08/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SAL	UPCoM	5/8/2021	6/8/2021	24/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 445 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	AGP	UPCoM	3/8/2021	4/8/2021	20/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	VLP	UPCoM	30/07/2021	2/8/2021	31/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DNE	UPCoM	29/07/2021	30/07/2021	30/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 850 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	GMX	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	GMX	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:50	Thưởng cổ phiếu
9	NVP	UPCoM	29/07/2021	30/07/2021	30/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 179.6 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VIP	HOSE	29/07/2021	30/07/2021	20/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DPR	HOSE	29/07/2021	30/07/2021	30/08/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	VC3	HNX	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:95	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	BMS	UPCoM	29/07/2021	30/07/2021		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:14	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
14	NTW	UPCoM	29/07/2021	30/07/2021	16/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	ADC	HNX	28/07/2021	29/07/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Thưởng cổ phiếu
16	NDN	HNX	28/07/2021	29/07/2021	8/9/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NDN	HNX	28/07/2021	29/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	NSL	UPCoM	28/07/2021	29/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	SSU	UPCoM	27/07/2021	28/07/2021	5/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	CMN	UPCoM	27/07/2021	28/07/2021	6/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HLR	UPCoM	27/07/2021	28/07/2021	16/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TLG	HOSE	27/07/2021	28/07/2021	12/8/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	DNA	UPCoM	26/07/2021	27/07/2021	27/08/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	PGV	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	PGV	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	TN1	HOSE	23/07/2021	26/07/2021	11/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TN1	HOSE	23/07/2021	26/07/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:45	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	SIP	UPCoM	23/07/2021	26/07/2021	5/8/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

CSC, LEC, PTL

Xây dựng:

VC2, , TTL, UDC

Dầu khí:

TDG, SFC, GAS

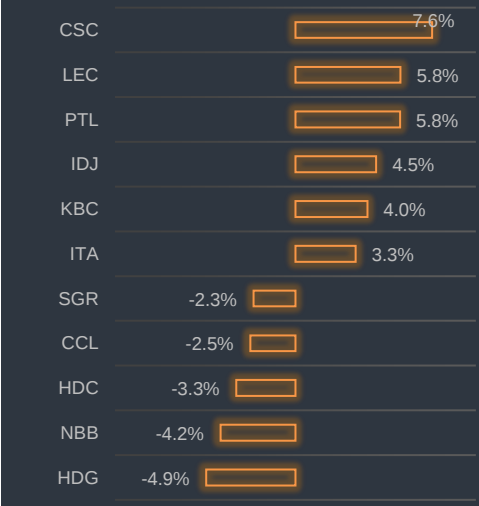
Chứng khoán:

SSI, SBS, FTS

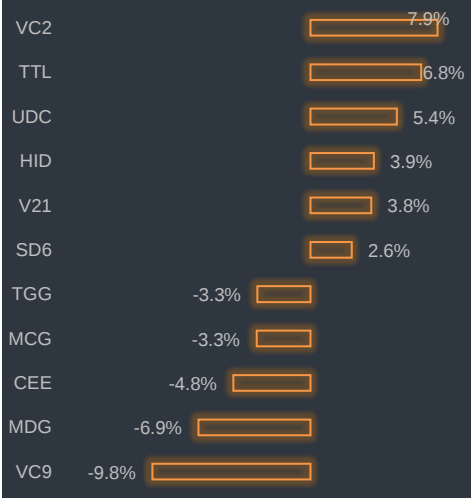
Ngân hàng:

NVB, OCB, VCB

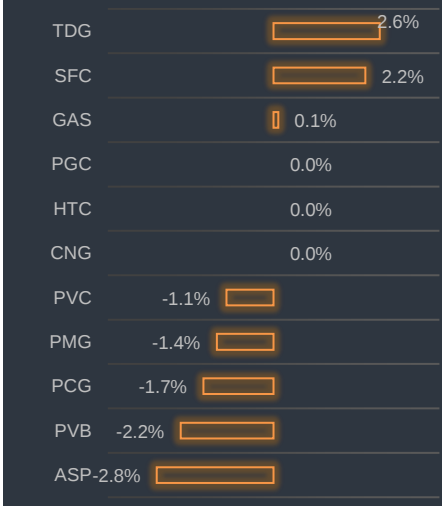
Bất động sản



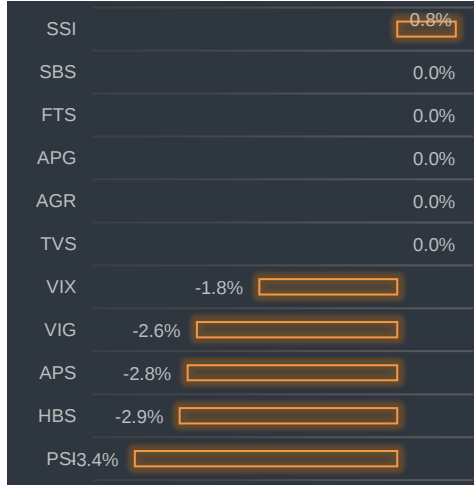
Xây dựng



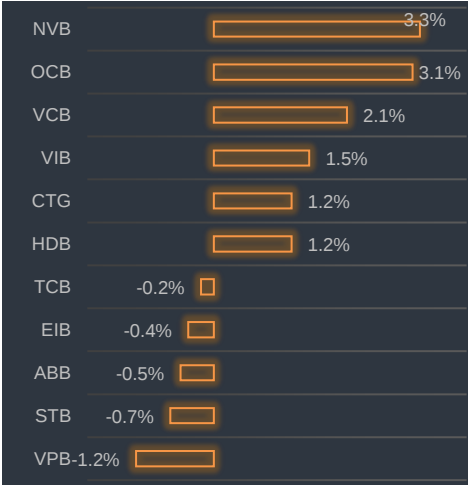
Dầu khí



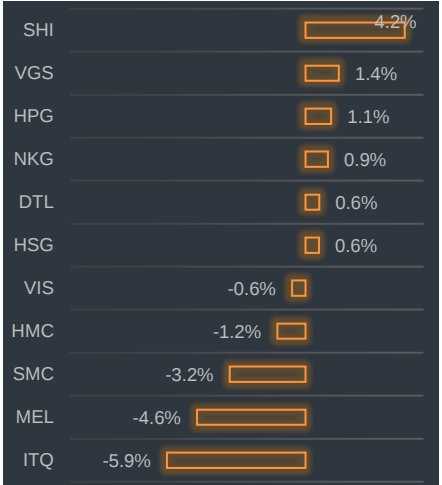
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931